

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC
KHOA TÂM LÝ- GIÁO DỤC

BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ GIÁO DỤC

Thanh Hóa, năm 2019

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1836 /QĐ-ĐHHD ngày 11 tháng 11 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo
- + Tiếng Việt: **Quản lý giáo dục**
- + Tiếng Anh: **Educational management**
- Số Quyết định của Bộ GD&ĐT cho phép đào tạo trình độ thạc sĩ : Số 1050/QĐ-BGDĐT
- Mã số chuyên ngành đào tạo: 8.14.01.14
- Hình thức đào tạo: Chính quy tập trung
- Thời gian đào tạo: 24 tháng (2 năm)
- Tên văn Bằng sau khi tốt nghiệp
- + Tiếng Việt: **Thạc sĩ quản lý giáo dục**
- + Tiếng Anh: **Master Educational management**

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Nhằm đào tạo thạc sĩ chuyên ngành quản lý giáo dục có trình độ tri thức sâu rộng về khoa học quản lý, có thể đảm nhiệm công việc của chuyên gia trong lĩnh vực quản lý, có khả năng ứng dụng sáng tạo khoa học quản lý, có phẩm chất nhân cách của người cán bộ quản lý, có thể làm việc, nghiên cứu độc lập và có năng lực phát hiện, giải quyết có hiệu quả những vấn đề thuộc chuyên ngành quản lý giáo dục đào tạo.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

Học viên làm chủ kiến thức chuyên ngành quản lý giáo dục, có thể đảm nhiệm công việc của chuyên gia trong lĩnh vực quản lý; có tư duy phản biện; có kiến thức lý luận chuyên sâu để có thể phát triển kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ quản lý giáo dục; có kiến thức tổng hợp về pháp luật, quản lý và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực quản lý giáo dục và đào tạo.

2.2.2. Về kỹ năng

Học viên có kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng phân tích, kỹ năng xây dựng các mối quan hệ, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng làm việc độc lập và kỹ năng nghiên cứu độc lập để phát triển và thử nghiệm những giải pháp mới, phát triển các công nghệ mới trong lĩnh vực quản lý giáo dục đào tạo thích ứng với những đòi hỏi của phát triển giáo dục Việt Nam và thế giới, đặc biệt với yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Đạt trình độ tiếng Anh tương đương chứng chỉ Tiếng Anh B2(Khung Châu Âu) và bậc 4/6 (Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam) trở lên. Có thể giao tiếp ở mức trôi chảy, tự nhiên với người bản ngữ, có thể viết được các văn bản rõ ràng, có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề.

2.2.3. Về thái độ

Học viên xác định được giá trị nghề nghiệp đúng đắn và ý thức được vị trí, vai trò của bản thân trong sự nghiệp giáo dục cũng như sự phát triển của xã hội Việt Nam hiện tại và tương lai; chủ động, tích cực, linh hoạt và sáng tạo trong công tác chuyên môn của bản thân và có ý thức, trách nhiệm nghề nghiệp và nguyên tắc đạo đức của người làm công tác quản lý giáo dục.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh

3.1.1. Thi tuyển

Môn thi tuyển sinh

- Môn chủ chốt: Đại cương về quản lý giáo dục
- Môn không chủ chốt: Giáo dục học đại cương
- Môn ngoại ngữ: Tiếng Anh

3.1.2. Xét tuyển

Áp dụng cho các đối tượng dự tuyển là người nước ngoài và được quy định cụ thể trong Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức.

3.2. Đối tượng dự tuyển: Người dự thi cần thoả mãn một trong các điều kiện:

- Có bằng tốt nghiệp đại học đúng ngành Quản lý giáo dục, hoặc phù hợp với chuyên ngành Quản lý Giáo dục.

- Có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm và bằng tốt nghiệp đại học các ngành khác nhưng làm quản lý trong các cơ sở giáo dục, các cơ quan hành chính sự nghiệp có liên quan đến giáo dục - đào tạo. Những trường hợp này đã học bổ sung kiến thức các môn học để có trình độ tương đương với hệ đại học quản lý giáo dục.

- Người có bằng tốt nghiệp đại học loại khá trở lên đúng ngành hoặc phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự thi được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp. Đối với những trường hợp còn lại phải có ít nhất một năm kinh nghiệm làm quản lý trong các cơ sở giáo dục - đào tạo, các trung tâm giáo dục, trung tâm dạy nghề hay các sở, phòng giáo dục, các cơ quan hành chính sự nghiệp có liên quan đến giáo dục - đào tạo.... cho đến ngày nộp hồ sơ dự thi.

3.2. Danh mục ngành gần và khối lượng kiến thức bổ sung

3.3.1. Thí sinh không phải học bổ sung kiến thức gồm: Những người có bằng tốt nghiệp đại học thuộc ngành Quản lý giáo dục.

3.3.2. Thí sinh phải học bổ sung kiến thức gồm:

- **Nhóm 1:** Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm phải học bổ sung kiến thức 3 học phần (6 tín chỉ) bao gồm:

TT	Tên chuyên đề	Số tín chỉ
1	Đại cương về quản lý giáo dục	2
2	Tổ chức khoa học lao động của người cán bộ quản lý	2
3	Xã hội học giáo dục	2

- **Nhóm 2:** Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học khác phải học bổ sung 6 học phần (14 tín chỉ) bao gồm:

TT	Tên chuyên đề	Số tín chỉ
1	Giáo dục học	3
2	Tâm lý học	3
3	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý giáo dục	2
4	Đại cương về quản lý giáo dục	2
5	Xã hội học giáo dục	2
6	Tổ chức khoa học lao động của người cán bộ quản lý	2

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Kiến thức và năng lực chuyên môn

1.1. Kiến thức

1.1.1. Kiến thức chung:

- Có kiến thức cơ bản của Triết học Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh để xây dựng thế giới quan, nhân sinh quan khoa học, phương pháp luận biện chứng, thể hiện trong tầm nhìn, cách tiếp cận và giải quyết các vấn đề của thực tiễn giáo dục quản lý giáo dục.

- Đạt trình độ tiếng Anh tương đương bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

1.1.2. Kiến thức nhóm chuyên ngành:

- Có kiến thức về khoa học tổ chức, văn hoá tổ chức; kiến thức cơ bản về lãnh đạo, quản lý hiện đại và lý luận dạy học hiện đại trong nhà trường... Có kiến thức cơ bản trong tâm lý học quản lý từ đó là cơ sở cho việc phát triển kỹ năng ra các quyết định liên quan tới tổ chức và quản lý; Có kiến thức về phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục để vận dụng trong quá trình học tập và nghiên cứu về quản lý giáo dục; Hiểu biết về bối cảnh giáo dục Thế giới và Việt Nam để nhận định những thời cơ và thách thức đối với giáo dục VN trong thời kỳ hội nhập.

Người học được trang bị, cập nhật và nâng cao các kiến thức cơ bản, hiện đại làm nền tảng vững chắc cho việc vận dụng tiếp nhận và kiến tạo tốt kiến thức khoa học giáo dục

1.1.3. Kiến thức chuyên ngành:

Biết phân tích, tổ chức và xây dựng được chính sách và kế hoạch phát triển giáo dục; Có kiến thức về các cách thức tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục; có kiến thức quản lý quá trình dạy học và giáo dục cũng như đánh giá quá trình dạy học và giáo dục trong

nhà trường theo tiếp cận năng lực; quản lý chất lượng giáo dục và đánh giá trong giáo dục, quản lý nguồn lực trong giáo dục, quản lý sự thay đổi giáo dục trong môi trường hội nhập và cạnh tranh cao; xây dựng môi trường văn hoá trong các cơ sở giáo dục; Hiểu biết về công tác thanh tra, kiểm tra trong giáo dục và phát triển chương trình giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục ...

Học viên làm chủ kiến thức chuyên ngành quản lý giáo dục, có thể đảm nhiệm công việc của chuyên gia trong lĩnh vực quản lý; có tư duy phản biện; có kiến thức lý thuyết chuyên sâu để có thể phát triển kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ quản lý giáo dục.

1.2. Năng lực ngoại ngữ

Có một trong các văn bằng chứng chỉ ngoại ngữ sau:

- a) Có bằng tốt nghiệp đại học ngoại ngữ tiếng Anh, Đức, Pháp, Nga, Trung, Nhật;
- b) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;
- c) Có bằng tốt nghiệp đại học các chương trình tiên tiến mà ngôn ngữ dùng trong toàn bộ chương trình đào tạo là tiếng nước ngoài không qua phiên dịch;
- d) Có chứng chỉ tiếng Anh TOEFL;500PFT,173CBT,61 iBT; First Certificate in English FCE;BEC Vantage;60 BULATS;625 TOEIC; 5,0 IELTS; chứng chỉ tiếng Anh B2(Khung Châu Âu) và bậc 4/6 (Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam) trở lên hoặc chứng chỉ tiếng Đức,Nhật,Trung, Pháp, Nga do các cơ sở đào tạo ngoại ngữ được Bộ giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ công nhận tương đương trình độ tiếng Anh trong thời hạn 2 năm, tính từ ngày cấp chứng chỉ cho đến ngày nộp luận văn đề nghị bảo vệ;
- đ) Trình độ năng lực ngoại ngữ đạt ở mức tương đương bậc 4/6 Khung Việt Nam do Nhà trường tổ chức đánh giá, điểm đạt từ 6,0 điểm trở lên thì được cấp chứng nhận ngoại ngữ đạt chuẩn đầu ra.

Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể tiếp thu được một bài báo hay một bài phát biểu về một số chủ đề cơ bản trong lĩnh vực chuyên ngành Quản lý giáo dục.

1.3. Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

Học viên có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên ngành quản lý giáo dục và đề xuất những sáng kiến có giá trị thực tiễn; có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn; đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục; bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn quản lý giáo dục; có khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch quản lý giáo dục; có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn quản lý giáo dục; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc quản lý; Có khả năng sử dụng khoa học quản lý để xử lý những vấn đề lớn về quản lý giáo dục đào tạo.

2. Kỹ năng

2.1. Kỹ năng chuyên môn

Có kỹ năng phân tích, tổ chức thực hiện và xây dựng được chính sách và kế hoạch phát triển giáo dục; Kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề nảy sinh trong quá trình quản lý giáo dục; Kỹ năng phát triển chương trình nhà trường và quản lý hoạt động này; Kỹ năng quản lý quá trình dạy học và đánh giá theo tiếp cận năng lực; Kỹ năng quản lý nhân sự theo vị trí việc làm, theo chuẩn trong một cơ sở giáo dục được tự chủ về tổ chức; Kỹ năng lý nhà trường theo tiếp cận hiện đại và bộ chuẩn chất lượng; Kỹ năng quản trị tài chính trong một cơ sở giáo dục được tự chủ về tài chính; Kỹ năng xây dựng môi trường văn hoá trong giáo dục; Kỹ năng ứng dụng được công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong quản lý, nhà trường;

2.2. Các kỹ năng bổ trợ

- Kỹ năng ngoại ngữ chuyên ngành: Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được một báo cáo hay bài phát biểu về hầu hết các chủ đề trong công việc liên quan đến ngành được đào tạo; có thể diễn đạt bằng ngoại ngữ trong hầu hết các tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết báo cáo liên quan đến công việc chuyên môn; có thể trình bày rõ ràng các ý kiến và phân biệt một vấn đề kỹ thuật bằng ngoại ngữ;

- Có kỹ năng làm việc và giao tiếp hiệu quả với các thành viên trong hoạt động nhóm; Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, truyền thông (ICT) và các phần mềm khác

- Có kỹ năng lắng nghe, đàm phán, thuyết phục;

- Có kỹ năng thích ứng với những thay đổi;

- Có kỹ năng làm chủ được cảm xúc của bản thân, biết thuyết phục và chia sẻ;

- Có kỹ năng tự đánh giá được điểm mạnh và điểm yếu trên cơ sở đối chiếu các yêu cầu của nghề nghiệp và yêu cầu thực tiễn với phẩm chất, năng lực của bản thân;

- Có kỹ năng dự đoán sự phát triển của giáo dục dựa trên phân tích về nhu cầu xã hội, kinh tế chính trị...

3. Phẩm chất đạo đức

3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

- Có ý thức đạo đức tốt, chấp hành các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước; có tinh thần hợp tác, chia sẻ trong các hoạt động tập thể và cộng đồng; có ý thức xã hội, sẵn sàng tham gia các hoạt động xã hội và phục vụ cộng đồng; minh bạch và công bằng trong các mối quan hệ; ứng xử tốt, thân thiện, cộng tác với đồng nghiệp theo những tiêu chuẩn về phẩm chất, đạo đức và nhân cách của người làm trong ngành giáo dục.

3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- Có tác phong làm việc khoa học, tính chuyên nghiệp trong giải quyết vấn đề về quản lý giáo dục và nghiên cứu khoa học Có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, tâm huyết với nghề, có tác phong làm việc khoa học, có uy tín và luôn vận dụng tốt các kiến thức lý luận trong thực tiễn quản lý giáo dục.

4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Thạc sĩ Quản lý giáo dục tốt nghiệp tại trường Đại học Hồng Đức có thể đảm nhận các công việc như sau:

- Đảm nhiệm các vị trí quản lý trong các trường phổ thông, trung tâm GDTX – GDNN; các Sở giáo dục và đào tạo; phòng GD-ĐT; Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn của các trường THPT, THCS, tiểu học, mầm non (hoặc tương đương); Cán bộ quản lý của các trung tâm giáo dục; Cán bộ giảng dạy trong các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng CBQL...

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục học viên có thể học tiếp tiến sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục, Tâm lý học chuyên ngành (sau khi đã học chuyên đổi các chuyên đề theo Quy định của Bộ GD&ĐT về đào tạo trình độ tiến sĩ)

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

	Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo	60 tín chỉ
1	Khối kiến thức chung Bắt buộc Tự chọn	10 tín chỉ 10 tín chỉ
2	Khối kiến thức cơ sở Bắt buộc Tự chọn	14 tín chỉ 10 tín chỉ 4 tín chỉ
3	Khối kiến thức chuyên ngành Bắt buộc Tự chọn	21 tín chỉ 11 tín chỉ 10 tín chỉ
4	Luận văn thạc sĩ	15 tín chỉ

2. Khung chương trình và kế hoạch đào tạo

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Học kỳ	BM phụ trách
				LT	BT/TH	Tự học		
I	Khối kiến thức chung		10					
1	QLKH-501	Triết học	4	42	36	180	1	BM Những NL của Cn Mác-Lê Nin-KLLCT-L

2	QLKH-502	Tiếng anh 1,2	6	54	72	270	1	BM ngôn ngữ- Văn hóa –PP dạy học Tiếng Anh,K Ngoại ngữ
II	Khối kiến thức cơ sở		14					
	<i>Các học phần bắt buộc</i>		10					
1	QLKH-503	Tâm lý học quản lý lãnh đạo	2	18	24	90	1	BM TLH, K. TLGD
2	QLKH-504	Giáo dục Việt Nam trong thời kỳ hội nhập Quốc tế	2	18	24	90	1	BM GDH K. TLGD
3	QLKH-505	Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục	2	18	24	90	1	BM GDH K. TLGD
4	QLKH-506	Khoa học tổ chức	2	18	24	90	2	BM GDH K. TLGD
5	QLKH-507	Những vấn đề cốt yếu của khoa học quản lý	2	18	24	90	2	BM GDH K. TLGD
	<i>Các học phần tự chọn</i>		4/10					
1	QLKH-508	Giao tiếp trong quản lý giáo dục	2	18	24	90	2	BM TLH, K. TLGD
2	QLKH-509	Giáo dục học so sánh	2	18	24	90	2	BM GDH K. TLGD
3	QLKH-510	Quản lý thông tin giáo dục trong nhà trường	2	18	24	90	2	BM GDH K. TLGD
4	QLKH-511	Tâm lý học ứng dụng trong tổ chức và quản lý giáo dục.	2	18	24	90	2	BM GDH K. TLGD

5	QLKH-512	Lý luận dạy học hiện đại	2	18	24	90	2	BM GDH K. TLGD
III	Khối kiến thức chuyên ngành		21					
	<i>Các học phần bắt buộc</i>		11					
1	QLKH-513	Lãnh đạo và quản lý nhà trường	2	18	24	90	2	BM GDH K. TLGD
2	QLKH-514	Chính sách và kế hoạch phát triển giáo dục	3	18	24	90	2	BM GDH K. TLGD
3	QLKH-515	Quản lý nguồn lực trong giáo dục	2	18	24	90	2	BM GDH K. TLGD
4	QLKH-516	Quản lý chất lượng giáo dục và đánh giá trong giáo dục.	2	18	24	90	3	BM GDH K. TLGD
5	QLKH-517	Tiếp cận hiện đại trong QLGD	2	18	24	90	3	BM GDH K. TLGD
	<i>Các học phần tự chọn</i>		10/20					
1	QLKH-519	Kỹ năng trong quản lý giáo dục	2	18	24	90	3	BM GDH K. TLGD
2	QLKH-520	Tiếp cận tình huống trong quản lý giáo dục	2	18	24	90	3	BM GDH K. TLGD
3	QLKH-521	Quản lý sự thay đổi trong giáo dục	2	18	24	90	3	BM GDH K. TLGD
4	QLKH-522	Xây dựng, phát triển và quản lý chương trình	2	18	24	90	3	BM GDH K. TLGD
5	QLKH-523	Ra quyết định và tổ chức thực hiện quyết định trong quản lý giáo dục	2	18	24	90	3	BM GDH K. TLGD
6	QLKH-524	Quản trị hiệu quả trường học	2	18	24	90	3	BM GDH K. TLGD

7	QLKH-525	Xây dựng văn hóa nhà trường	2	18	24	90	3	BM GDH K. TLGD
8	QLKH-526	Thanh tra, giám sát trong cơ quan quản lý giáo dục và nhà trường	2	18	24	90	3	BM GDH K. TLGD
9	QLKH-527	Thống kê trong giáo dục	2	18	24	90	3	BM GDH K. TLGD
10	QLKH-528	Giáo dục giá trị và giáo dục kỹ năng sống trong nhà trường	2	18	24	90	3	BM GDH K. TLGD
IV	Luận văn thạc sĩ		15				4	BM GDH K. TLGD

3. Tiến trình đào tạo trong hai năm học

Học kỳ	Tổng số học phần	Tổng số tín chỉ	Ghi chú
I	5 học phần	16 tín chỉ	
II	7 học phần	15 tín chỉ	
III	7 học phần	14 tín chỉ	
IV	1 luận văn thạc sĩ	15 tín chỉ	

4. Mô tả tóm tắt học phần

4.1. Học phần: Triết học Mác - Lênin (philosophy of marxism): 4TC (36; 48; 0)

4.1.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Triết học dùng để đào tạo trình độ thạc sĩ trình bày một cách có hệ thống quan điểm của các triết gia, của các trường phái triết học tiêu biểu trong lịch sử triết học về nguồn gốc, bản chất của triết học; sự ra đời, phát triển và vai trò của triết học trong đời sống xã hội; về vật chất, ý thức, về bản chất của thế giới, về phương thức tồn tại, vận động, phát triển của thế giới vật chất; về phép biện chứng; về lý luận nhận thức; về sự ra đời, tồn tại, phát triển các hình thái kinh tế - xã hội; về giai cấp, nhà nước, hệ thống chính trị, cách mạng xã hội; về ý thức xã hội, con người và hiện tượng tha hóa ở con người.

4.1.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Sau khi học xong học phần, học viên phải nắm được một cách có hệ thống và chính xác lý luận triết học nâng cao về nguồn gốc, bản chất của triết học; sự ra đời, phát

triển và vai trò của triết học trong đời sống xã hội; bản chất của thế giới, phương thức tồn tại, vận động, phát triển của thế giới vật chất. Quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức; về phép biện chứng, về bản chất và con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý, về thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức; về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử; về nguồn gốc, bản chất giai cấp, đấu tranh giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội; về ý thức xã hội, con người và hiện tượng tha hóa ở con người.

4.1.3. Năng lực cần đạt được

Học viên hiểu, trình bày, tái hiện lại được một cách chính xác kiến thức triết học được học trong chương trình. Hiểu được cơ sở lý luận của các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Hình thành được năng lực phân tích, đánh giá đúng đắn các hiện tượng của tự nhiên, xã hội và tư duy. Biết vận dụng các nguyên tắc phương pháp luận biện chứng duy vật vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành, vào hoạt động thực tiễn của bản thân một cách hiệu quả. Hình thành được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng. Biết nhìn nhận một cách khách quan về vai trò của Triết học trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

4.1.4. Hình thức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 42 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 36 tiết

+ Tự học: 180 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.1.5. Danh mục tài liệu tham khảo

***Giáo trình chính**

1. Bộ giáo dục và đào tạo (2016), *Giáo trình Triết học* (dành cho Cao học khối Khoa học xã hội và nhân văn), Nxb Đại học sư phạm Hà Nội.

***Tài liệu tham khảo**

2. Nguyễn Hữu Vui (1997) *Lịch sử triết học*, Nxb CTQG, Hà Nội .

4.1.6. Hình thức thi hết học phần

Hình thức thi: làm bằng bài thi viết trên giấy

Đánh giá hai kỹ năng: Đọc, Viết

4.2. Học phần Tiếng Anh 1 (English 1): 3TC (27; 36; 0)

4.2.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Tiếng Anh 1 gồm các nội dung sau: ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng Nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề từ Unit 1 đến Unit 6 trong giáo trình *Target PET*.

Ngữ âm: Luyện tập các ký hiệu phiên âm tiếng Anh trong Bảng phiên âm quốc tế IPA để áp dụng vào phát triển kỹ năng Nói. Người học nắm vững các ký hiệu phiên âm để phát âm đúng các từ và nói các câu hoàn chỉnh.

Ngữ pháp: Giới thiệu hệ thống lý thuyết và bài tập về các yếu tố ngữ pháp như:

1. Verb to express : likes” and”dislikes”
2. Present Simple
3. Present Continuous
4. Sentence structures: be keen on, be good at, be interested in
5. Comparatives and Superlatives
6. Sentence patterns: so/such+ adjective/adverb; too/enough...to
7. Extremely adjectives
8. Describing people
9. Past Simple
10. Used to+V
11. Passive and Active
12. Sentences patterns: owing to/due to
13. Express agreeing and disagreeing
14. Suggesting
15. May, might, could
16. Quantifiers
17. Should/ought to
18. Adverbs and Adverbial Phrases; Forming adverbs
19. Past continuous and past simple
20. Conjunctions
21. Sentence patterns: despite/in spite of

Từ vựng: Giới thiệu hệ thống từ vựng thông thường theo các chủ đề gắn gũi với cuộc sống hàng ngày.

1. Hobbies and interests
2. Communication and technologies
3. Family and furniture
4. Daily life

5. Food occasions

6. Going to the doctor

7. Forms of transport

Kỹ năng: Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết luyện theo các dạng bài thi theo format đề thi B1. Cả 4 kỹ năng được dạy theo nội dung các bài học trong giáo trình *Sue Ireland, Joanna Kosta. Target PET. Richmond Publishing.*

4.2.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

*** Ngữ âm**

Kết thúc học phần, học viên có thể nắm vững các kiến thức cơ bản về ngữ âm trong tiếng Anh và phát âm đúng và nói đúng các từ và câu tiếng Anh.

*** Ngữ pháp**

Kết thúc chương trình, học viên có thể:

Nắm vững vốn kiến thức cấu trúc ngữ pháp cơ bản từ Unit 1 đến Unit 6 trong bộ sách “Target PET” (Sue Ireland and Joanna Kosta)

*** Từ vựng**

Kết thúc học phần, học viên có thể: Sử dụng lượng từ vựng theo 06 chủ đề đủ để giao tiếp trong các tình huống từ theo cấu trúc bài thi Nói theo bậc B1.

4.2.3. Năng lực cần đạt được

*** Về mặt từ vựng, ngữ pháp:**

Nắm được lượng từ vựng liên quan đến các chủ đề cũng như các hiện tượng ngữ pháp trong chương trình học

Sử dụng linh hoạt được lượng từ vựng và ngữ pháp này trong giao tiếp Nghe, Nói, Đọc, Viết.

*** Về kỹ năng Nghe**

Nghe hiểu được thông tin cơ bản trong các bài nghe thuộc trình độ.

Nắm được 1 số kỹ năng làm bài nghe theo format đề B1 (nghe 1 người nói, nghe hội thoại, nghe chọn đáp án đúng, nghe điền thông tin còn thiếu,...)

*** Về kỹ năng Nói & Phát âm**

Nhận diện và phát âm chuẩn hầu hết tất cả các âm trong Tiếng Anh.

Diễn đạt nói tương đối trôi chảy trong các chủ đề thuộc chương trình học; sử dụng và phát âm chuẩn hầu hết các từ vựng trong chương trình; vận dụng được ngữ pháp vào việc diễn đạt câu.

Biết diễn đạt rõ ý, giải thích lý do, và đưa ra quan điểm cá nhân.

*** Về kỹ năng Đọc**

Đọc hiểu được nội dung các bài đọc thuộc chủ đề và trình độ tương ứng.

Thành thạo các dạng bài đọc khác nhau (tìm đáp án đúng, điền thông tin còn thiếu,...)

*** Về kỹ năng Viết**

Sử dụng được lượng từ vựng và cấu trúc ngữ pháp trong chương trình vào việc viết bài:

1. Viết lại câu sao cho nghĩa không thay đổi.
2. Viết 1 đoạn văn (paragraph) theo chủ đề cho trước.

4.2.4. Hình thức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học
 - + Nghe giảng lý thuyết: 27 tiết
 - + Thảo luận nhóm tại lớp: 36 tiết
 - + Tự học: 135 tiết
 - Phương pháp dạy học: Kết hợp giảng lý thuyết với việc thực hành và phát triển kỹ năng của học viên theo các nhiệm vụ giao tiếp bằng Tiếng Anh
- Hướng dẫn các hoạt động học cá nhân, học nhóm, khuyến khích sự sáng tạo...

4.2.5. Danh mục tài liệu tham khảo

*** Tài liệu bắt buộc**

1. Sure Ireland, Joanna Kosta, *Target PET*, NXB Richmond Publishing.
2. Nguyễn Thị Quyết (2018). *Ngữ pháp căn bản Tiếng Anh trình độ A*. NXB Thanh Hóa
3. Jan Bell and Amada Thomas, *Gold First*, NXB Pearsons, 2005

***Tài liệu tham khảo**

4. Raymond Murphy, *English grammar in use*, Fahasa, 2017
5. Cambridge University Press, *Cambridge PET*, 2004

4.2.6. Hình thức thi hết học phần

Hình thức thi: Làm bài thi viết trên giấy

Đánh giá 2 kỹ năng: Đọc, Viết

4.3. Học phần Tiếng anh 2 (English 2): 3TC (27; 36; 0)

4.3.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Tiếng Anh 2 gồm các nội dung sau: ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng Nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề từ Unit 07 đến Unit 12 trong giáo trình *Target PET*.

Ngữ âm: Luyện tập các ký hiệu phiên âm tiếng Anh trong Bảng phiên âm quốc tế IPA để áp dụng vào phát triển kỹ năng Nói. Người học nắm vững các ký hiệu phiên âm để phát âm đúng các từ và nói các câu hoàn chỉnh.

Ngữ pháp: Giới thiệu hệ thống lý thuyết và bài tập về các yếu tố ngữ pháp như:

1. Comparatives and Superlatives
2. Present perfect and past simple
3. Obligation, prohibition and permission
4. Relative pronouns
5. Forming words for jobs
6. Predicting the future
7. First conditional and unless
8. Going to
9. Second conditional question
10. Modal passives

Từ vựng: Giới thiệu hệ thống từ vựng thông thường theo các chủ đề gắn gũi với cuộc sống hàng ngày.

Kỹ năng: Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết luyện theo các dạng bài thi theo format đề thi B1. Cả 4 kỹ năng được dạy theo nội dung các bài học trong giáo trình *Sue Ireland, Joanna Kosta. Target PET. Richmond Publishing.*

4.3.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

*** Ngữ âm**

Kết thúc học phần, học viên có thể nắm vững các kiến thức cơ bản về ngữ âm trong tiếng Anh và phát âm đúng và nói đúng các từ và câu tiếng Anh.

*** Ngữ pháp**

Kết thúc chương trình, học viên có thể:

Nắm vững vốn kiến thức cấu trúc ngữ pháp cơ bản từ Unit 1 đến Unit 6 trong trong bộ sách “Target PET” (Sue Ireland and Joanna Kosta)

*** Từ vựng**

Kết thúc học phần, học viên có thể: Sử dụng lượng từ vựng theo 11 chủ đề đủ để giao tiếp trong các tình huống từ theo cấu trúc bài thi Nói theo bậc B1.

4.3.3. Năng lực cần đạt được

*** Về mặt từ vựng, ngữ pháp:**

Nắm được lượng từ vựng liên quan đến các chủ đề cũng như các hiện tượng ngữ pháp trong chương trình học

Sử dụng linh hoạt được lượng từ vựng và ngữ pháp này trong giao tiếp Nghe, Nói, Đọc, Viết

*** Về kỹ năng Nghe**

Nghe hiểu được thông tin cơ bản trong các bài nghe thuộc trình độ.

Nắm được 1 số kỹ năng làm bài nghe (nghe 1 người nói, nghe hội thoại, nghe

chọn đáp án đúng, nghe điền thông tin còn thiếu,...)

*** Về kỹ năng Nói & Phát âm**

Nhận diện và phát âm chuẩn hầu hết tất cả các âm trong Tiếng Anh.

Diễn đạt nói tương đối trôi chảy trong các chủ đề thuộc chương trình học; sử dụng và phát âm chuẩn hầu hết các từ vựng trong chương trình; vận dụng được ngữ pháp vào việc diễn đạt câu.

Biết diễn đạt rõ ý, giải thích lý do, và đưa ra quan điểm cá nhân

*** Về kỹ năng Đọc**

Đọc hiểu được nội dung các bài đọc thuộc chủ đề và trình độ tương ứng.

Thành thạo các dạng bài đọc khác nhau (tìm đáp án đúng, điền thông tin còn thiếu,...)

*** Về kỹ năng Viết**

Sử dụng được lượng từ vựng và cấu trúc ngữ pháp trong chương trình vào việc viết bài:

1. Viết lại câu sao cho nghĩa không thay đổi.
2. Viết 1 đoạn văn (paragraph) theo chủ đề cho trước.

4.3.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học
- + Nghe giảng lý thuyết: 27 tiết
- + Thực hành tại lớp: 36 tiết
- + Tự học: 135 tiết

Kết hợp giảng lý thuyết với việc thực hành và phát triển kỹ năng của học viên theo các nhiệm vụ giao tiếp bằng Tiếng Anh

Hướng dẫn các hoạt động học cá nhân, học nhóm, khuyến khích sự sáng tạo...

4.3.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

*** Giáo trình chính**

1. Sue Ireland, Joanna Kosta. *Target PET. Richmond Publishing.* (Ký hiệu HLBB1)
2. Nguyễn Thị Quyết. 2018. *Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A (cuốn 1).* Nhà xuất bản Thanh Hoá. (Ký hiệu HLBB2)

*** Tài liệu tham khảo**

1. Raymond Murphy, *English grammar in use*, Fahasa, 2017
2. *Cambridge PET.* (2004). Cambridge University Press

4.3.6. Hình thức thi hết học phần

Hình thức thi: làm bài thi viết trên giấy

Đánh giá 2 kỹ năng: Đọc, Viết

4.4. Học phần: Tâm lý học quản lý lãnh đạo/ Psychology of Management: 2TC (18; 24; 0)

4.4.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần trình bày khái quát những tri thức khoa học cơ bản, hiện đại về tâm lý học quản lý lãnh đạo, bao gồm: Những vấn đề chung của TLH quản lý lãnh đạo, tâm lý người lãnh đạo, nhân cách người lãnh đạo, tâm lý người lao động và tổ chức... là cơ sở để học viên lĩnh hội hệ thống tri thức của các chuyên đề về khoa học quản lý một cách đầy đủ và sâu sắc, góp phần hoàn thiện tay nghề quản lý cho học viên ngành quản lý giáo dục.

Tâm lý học quản lý cung cấp cơ sở khoa học cho việc chọn lựa, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ quản lý nói chung và cán bộ quản lý giáo dục nói riêng.

4.4.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Học phần nhằm hình thành ở học viên hệ thống tri thức khoa học cơ bản, hiện đại về tâm lý học quản lý lãnh đạo, là cơ sở để họ lĩnh hội hệ thống tri thức của các chuyên đề về khoa học quản lý một cách đầy đủ và sâu sắc. Trên cơ sở đó học viên có khả năng vận dụng những tri thức đã học để giải thích các sự kiện, hiện tượng thuộc lĩnh vực quản lý, làm cơ sở tâm lý học cho việc đề xuất, quyết định và thực hiện những tác động đúng đắn tới khách thể quản lý trong các quá trình quản lý giáo dục.

4.4.3. Năng lực cần đạt được

Sau khi học xong học phần này, học viên có khả năng vận dụng tri thức thuộc lĩnh vực quản lý để giải thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của người quản lý, xây dựng được mục tiêu, chiến lược phát triển đơn vị, hoàn thiện phong cách lãnh đạo, xây dựng được quyền lực, uy tín của người lãnh đạo. Có khả năng vận dụng cơ sở của tâm lý học vào việc đề xuất, quyết định và thực hiện những tác động đúng đắn tới khách thể quản lý trong các quá trình quản lý giáo dục.

4.4.4. Hình thức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học
- + Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 18 tiết
- + Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết
- + Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.4.5. Danh mục tài liệu tham khảo

***Giáo trình chính**

1. Vũ Dũng (2017), *Giáo trình Tâm lý học quản lý*, NXB Đại học Sư Phạm

***Tài liệu tham khảo**

2. Trần Quốc Thành, Dương Hải Hưng (2015), *Quản lý nhân sự trong giáo dục*, NXB Giáo dục Việt Nam

3. Phạm Văn Tư (Chủ biên), (2014), *Tâm lý học xã hội*, NXB Đại học Sư phạm

4.4.6 Hình thức thi hết học phần: Thi tự luận

4.5. Học phần: Giáo dục Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế/ (Vietnamese Education during the international integration): 2TC (18; 24; 0)

4.5.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần khắc họa giáo dục Việt Nam trong thập kỷ 80 và những năm cuối của thế kỷ XX, bối cảnh trong nước và quốc tế trong thời kỳ hội nhập quốc tế, nêu rõ các quan điểm định hướng phát triển giáo dục của Đảng trong những thập kỷ của đầu thế kỷ XXI, những cơ hội và thách thức của giáo dục Việt Nam trong thời kỳ hội nhập, từ đó nêu lên chiến lược giáo dục Việt Nam đến năm 2020. Vấn đề đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế.

4.5.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Giúp học viên nắm được giáo dục Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử của đất nước từ năm 1980 về đổi mới tư duy giáo dục, các quan điểm chỉ đạo, phát triển giáo dục. Thấy được ảnh hưởng của xã hội đối với giáo dục qua các thời kỳ, đặc biệt là những định hướng giáo dục trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

Học viên nắm chắc nhiệm vụ giáo dục trong thời kỳ hội nhập quốc tế để định hướng cho họ có tư duy và hành động đúng đắn.

4.5.3. Năng lực cần đạt được

Có khả năng vận dụng quan điểm, đường lối giáo dục của Đảng và Nhà nước để giải quyết các nhiệm vụ giáo dục trong thời kỳ hội nhập quốc tế để định hướng cho học viên tư duy và hành động đúng đắn. Vận dụng những tri thức đã học vào việc xây dựng mục tiêu, chiến lược phát triển đơn vị, nhà trường trong thời kỳ mới

4.5.4. Hình thức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học
- + Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 18 tiết
- + Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết
- + Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.5.5. Danh mục tài liệu tham khảo

***Giáo trình chính**

1. Nguyễn Thanh Bình, *Giáo dục Việt Nam trong thời kỳ đổi mới*, Nxb Đại học Sư phạm, 2008.

***Tài liệu tham khảo**

3. Bộ Giáo dục và đào tạo (2013), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về lãnh đạo và quản lý giáo dục trong thời kỳ đổi mới*, NXB Văn hoá – Thông tin.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị BCHTW Đảng Cộng sản Việt Nam khoá XI*, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011.

5. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị BCHTW Đảng Cộng sản Việt Nam khoá XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, 2016

4.5.6. Hình thức thi hết học phần

Hình thức thi : Thi Viết

4.6. Học phần: Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục (Methodology and research methods in Education Management): 2TC (18; 24; 0)

4.6.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần đề cập đến các nội dung cơ bản sau đây: Khái quát về khoa học và nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục; các vấn đề cần nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học quản lý giáo dục; Phương pháp luận nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục; cấu trúc công trình nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục; cách viết, cách thực hiện và bảo vệ một đề tài nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục...

4.6.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về lý luận nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục; các vấn đề cần nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học quản lý giáo dục; Phương pháp nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục; cấu trúc công trình nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục; cách viết, cách thực hiện và bảo vệ một đề tài nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục...

4.6.3. Năng lực cần đạt được

Hình thành cho học viên một số năng lực và phương pháp nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục như: Xác định vấn đề nghiên cứu; phạm vi nghiên cứu; đối tượng nghiên cứu...có khả năng lựa chọn các phương pháp nghiên cứu phù hợp với vấn đề đã chọn; có khả năng ứng dụng vào nghiên cứu một đề tài cụ thể trong lĩnh vực khoa học quản lý giáo dục. Hình thành năng lực làm việc khoa học, nghiêm túc, đúng đắn của nhà nghiên cứu khoa học.

4.6.4. Hình thức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học
- + Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 18 tiết
- + Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết
- + Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.6.5. Danh mục tài liệu tham khảo

***Giáo trình chính**

1. Phạm Viết Vượng (2001), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb Đại học Quốc Gia Hà Nội.

***Tài liệu tham khảo**

2. Nguyễn Đăng Bình, Nguyễn Văn Dự, *Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học*, NXB KHKT, 2010 (Có TL số)

3. Phạm Viết Vượng (1995), *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục*, NXB Bộ GD&ĐT, Hà Nội

4.6.6 Hình thức thi hết học phần

Hình thức thi: Thi Viết

4.7. Học phần: Khoa học tổ chức/ Overview of organizational science: 2TC (18; 24; 0)

4.7.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần đề cập đến nội dung cơ bản sau đây: Cung cấp các khái niệm cơ bản về tổ chức, đặc điểm và các kiểu cơ cấu tổ chức, phương pháp hình thành tổ chức. Những vấn đề cơ bản về quản lý tổ chức, xây dựng văn hoá tổ chức và quản lý sự thay đổi của tổ chức được đề cập và giải quyết theo quan điểm của khoa học quản lý hiện đại.

4.7.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Phân tích được các đặc điểm của tổ chức, các kiểu cơ cấu tổ chức và quản lý tổ chức, mô tả được quy trình các bước xây dựng văn hoá tổ chức và quản lý sự thay đổi của tổ chức được đề cập và giải quyết theo quan điểm của khoa học quản lý hiện đại

4.7.3. Năng lực cần đạt được

Có khả năng thiết kế được một tổ chức dựa trên cơ sở các phương pháp hình thành tổ chức được nghiên cứu.

Có khả năng xây dựng văn hoá tổ chức và quản lý sự thay đổi của tổ chức được đề cập và giải quyết theo quan điểm của khoa học quản lý hiện đại

Hình thành năng lực và thói quen ứng xử theo văn hoá tổ chức đơn vị hoạt động của bản thân.

4.7.4. Hình thức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.7.5. Danh mục tài liệu tham khảo

***Giáo trình chính**

1. Trần Kiểm, *Khoa học tổ chức và tổ chức giáo dục* NXB ĐHSP, Hà Nội 2012

2. Khoa học tổ chức và quản lý - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn, Nxb Thống kê, Hà Nội, 1999.

***Tài liệu tham khảo**

3. Bộ Giáo dục và đào tạo (2013), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về lãnh đạo và quản lý giáo dục trong thời kỳ đổi mới*, NXB Văn hoá – Thông tin.

4. Nguyễn Bá Dương, Nguyễn Cúc, Đức Uy, *Những vấn đề cơ bản của Khoa học về tổ chức*, NXB: Quân Đội, năm 2012

4.7.6. Hình thức thi hết học phần

Hình thức thi: Thi Viết

4.8. Học phần: Những vấn đề cốt yếu của khoa học quản lý/Fundamentals of Management Science: 2TC (18; 24; 0)

4.8.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần nghiên cứu các vấn đề cốt yếu của khoa học quản lý: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của khoa học quản lý; vị trí vai trò của hoạt động quản lý, tổ chức và lãnh đạo trong quản lý; nguyên tắc và phương pháp quản lý, thông tin trong quản lý, quyết định quản lý, vai trò của người lãnh đạo, người điều hành trong quản lý... Đây là kiến thức cơ sở giúp người học có thể nghiên cứu thuận lợi các học phần chuyên sâu thuộc khoa học quản lý giáo dục.

4.8.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Học phần cung cấp cho người học những vấn đề cốt yếu nhất của quản lý như: đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của khoa học quản lý; vị trí vai trò của hoạt động quản lý, tổ chức và lãnh đạo trong quản lý... Trên cơ sở đó giúp người học có thể

hiểu được các lĩnh vực quản lý cụ thể: Quản lý xã hội, quản lý kinh tế, quản lý giáo dục và những kiến thức của các chuyên ngành có liên quan.

4.8.3. Năng lực cần đạt được

Có khả năng vận dụng kiến thức những vấn đề lý luận cốt yếu của khoa học quản lý để xây dựng các nguyên tắc, phương pháp quản lý, cách lựa chọn và sử dụng cán bộ trong quản lý, điều hành.... Người cán bộ quản lý luôn học tập, tu dưỡng, rèn luyện để điều hành bộ máy quản lý của mình hoạt động có hiệu quả hơn.

4.8.4. Hình thức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.8.5. Danh mục tài liệu tham khảo

***Giáo trình chính**

1. Harold Koontz, Cyril O'Donnell, Heinz Weihrich, *Những vấn đề cốt yếu của quản lý*, Nxb Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội, 2004.

2. Trần Kiểm (2016), *những vấn đề cơ bản của khoa học quản lý giáo dục*, NXB ĐHSP

***Tài liệu tham khảo**

3. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị BCHTW Đảng Cộng sản Việt Nam khoá X*, Nxb Chính trị Quốc gia, 2006.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị BCHTW Đảng Cộng sản Việt Nam khoá XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011.

5. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị BCHTW Đảng Cộng sản Việt Nam khoá XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016

4.8.6. Hình thức thi hết học phần

Hình thức thi : Thi Viết

4.9. Học phần: Giao tiếp trong quản lý giáo dục/Communication in educational Management: 2TC (18; 24; 0

4.9.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản: Những tri thức về giao tiếp, vai trò

của giao tiếp đối với cuộc sống và đối với công tác quản lý nhà trường, các nguyên tắc và phong cách giao tiếp trong quá trình quản lý nhà trường, các điều kiện đảm bảo cho sự thành công của quá trình giao tiếp trong quản lý, lãnh đạo; vận dụng được những kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống giao tiếp nảy sinh trong quá trình quản lý nhà trường.

4.9.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Học phần cung cấp cho học viên những tri thức về giao tiếp, vai trò của giao tiếp đối với cuộc sống và đối với công tác quản lý nhà trường, các nguyên tắc và phong cách giao tiếp trong quá trình quản lý nhà trường, các điều kiện đảm bảo cho sự thành công của quá trình giao tiếp trong quản lý, lãnh đạo; vận dụng được những kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống giao tiếp nảy sinh trong quá trình quản lý nhà trường.

4.9.3. Năng lực cần đạt được

Học viên có khả năng vận dụng được những kiến thức vào giải quyết các tình huống giao tiếp nảy sinh trong quá trình quản lý nhà trường một cách hợp lý.

4.9.4. Hình thức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học
- + Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 18 tiết
- + Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết
- + Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.9.5. Danh mục tài liệu tham khảo

*** Giáo trình chính**

1. Lê Quang Sơn (2012), giáo trình, *Giao tiếp sư phạm*, NXB ĐHSP.
2. Nguyễn Sinh Huy -Trần Trọng Thủy, *Nhập môn khoa học giao tiếp*, Nhà xuất bản Giáo dục, 2006.

***Tài liệu tham khảo**

3. Vũ Dũng, *Tâm lý học quản lý*, NXB ĐHSP, 2006.
4. Lưu Xuân Mới, *Thuật ứng xử tình huống trong quản lý giáo dục và đào tạo*, NXB giáo dục, 2008.

4.9.6. Hình thức thi hết học phần

Hình thức thi : Thi Viết

4.10. Học phần: Giáo dục học so sánh/Comparative Education: 2TC (18; 24; 0)

4.10.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần đề cập đến các nội dung cơ bản sau đây: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của Giáo dục học so sánh; tình hình giáo dục của Việt Nam; tình hình giáo dục trên thế giới; một số nền giáo dục tiêu biểu; giáo dục trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập; so sánh nền giáo dục của các nước phát triển...

4.10.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về lý luận giáo dục so sánh, giúp cho học viên hiểu biết một số vấn đề quan trọng trong chế độ giáo dục hiện hành và nắm được những kinh nghiệm chủ yếu về cải cách và phát triển giáo dục của một số nước tiêu biểu trong khối các nước phát triển, đang phát triển và trong khu vực hiện nay.

4.10.3. Năng lực cần đạt được

Học xong học phần này học viên có khả năng so sánh về giáo dục của các nước trên thế giới để tìm ra quy luật đặc thù của sự phát triển mỗi nước, biết tiếp thu những kinh nghiệm tiên tiến của thế giới vào việc cải tiến, xây dựng và phát triển nền giáo dục Việt Nam và giao lưu văn hoá - giáo dục quốc tế. Bước đầu hình thành phương pháp nghiên cứu bộ môn giáo dục học so sánh cho học viên.

4.10.4. Hình thức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.10.5. Danh mục tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thanh Bình, *Giáo dục Việt Nam trong thời kỳ đổi mới*, Nxb Đại học Sư phạm, 2008.

***Tài liệu tham khảo**

2. Trần Khánh Đức (2009), *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ 21*, NXB giáo dục Việt Nam

4.10.6. Hình thức thi hết học phần

Hình thức thi : Thi Viết

4.11. Học phần: Quản lý thông tin giáo dục trong nhà trường/ Management of Educational Information in schools: 2TC (18; 24; 0)

4.11.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần đề cập đến các nội dung cơ bản sau đây: Tổng quan về thông tin và hệ thống thông tin trong quản lý nhà trường; Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin; Ứng dụng tiện ích của EMIS vào quản lý nhà trường; Hiệu quả kinh tế của hệ thống thông tin; Các hệ thống thông tin trong quản lý giáo dục

4.11.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Học viên biết phân tích, thiết kế được hệ thống thông tin, quản lý hệ thống thông tin, bảo mật thông tin trong quản lý giáo dục, ứng dụng thông tin tiện ích của EMIS vào quản lý nhà trường; đánh giá được hiệu quả kinh tế của hệ thống thông tin; các hệ thống thông tin trong quản lý giáo dục

4.11.3. Năng lực cần đạt được

Học viên có khả năng vận dụng các kiến thức về thông tin quản lý giáo dục vào việc thiết kế và điều hành các hệ thống thông tin quản lý trong nhà trường như các hệ thống thông tin quản lý hành chính, quản lý đào tạo, quản lý nhân sự, quản lý người học, quản lý tài chính, khoa học ...vận dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà trường

4.11.4. Hình thức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.11.5. Danh mục tài liệu tham khảo

***Giáo trình chính**

1. Hồ Văn Quân, *Bài giảng môn học lý thuyết thông tin*, Khoa CNTT- ĐH Bách Khoa HCM, 2009.

***Tài liệu tham khảo**

2. Srem TL dùng cho cán bộ quản lý trường PT, *Công nghệ thông tin trong trường học*, NXB TTXVN, 2010

3. Dự án phát triển giáo viên THPT&TCCN, *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về lãnh đạo và quản lý giáo dục trong thời kỳ đổi mới*, NXB Văn hoá- Thông tin

4.11.6 . Hình thức thi hết học phần

Hình thức thi : Thi Viết

4.12. Học phần: Tâm lý học ứng dụng trong tổ chức và quản lý giáo dục/ Psychology applied in the organization and management of education. 2TC (18; 24; 0)

4.12.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần này bao gồm những kiến thức và kỹ năng tâm lý ứng dụng trong tổ chức và quản lý giáo dục, bao gồm: Hành vi cá nhân trong tổ chức, nhóm và tâm lý nhóm, quyền lực, chính trị, xung đột và thương thảo, các quá trình hoạt động tâm lý nhóm... là cơ sở để học viên lĩnh hội hệ thống tri thức của các chuyên đề về khoa học quản lý một cách đầy đủ và sâu sắc, góp phần hoàn thiện tay nghề quản lý cho học viên ngành quản lý giáo dục.

Tâm lý học ứng dụng trong tổ chức và quản lý giáo dục cung cấp cơ sở khoa học cho việc chọn lựa, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ quản lý nói chung và cán bộ quản lý giáo dục nói riêng.

4.12.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Học xong hv có kiến thức hiểu biết về hành vi cá nhân trong tổ chức, nhóm và tâm lý nhóm, quyền lực, chính trị, xung đột và thương thảo, các quá trình hoạt động tâm lý nhóm... là cơ sở để học viên lĩnh hội hệ thống tri thức của các chuyên đề về khoa học quản lý một cách đầy đủ và sâu sắc, góp phần hoàn thiện tay nghề quản lý cho học viên ngành quản lý giáo dục. Học phần nhằm hình thành ở học viên hệ thống tri thức khoa học cơ bản, hiện đại về tâm lý học hành vi cá nhân và nhóm trong tổ chức, là cơ sở để họ lĩnh hội hệ thống tri thức của các chuyên đề về khoa học quản lý một cách đầy đủ và sâu sắc.

4.12.3. Năng lực cần đạt được

Học viên có khả năng vận dụng những tri thức đã học để giải thích các sự kiện, hiện tượng thuộc lĩnh vực quản lý, tổ chức, làm cơ sở tâm lý học cho việc đề xuất, quyết định và thực hiện những tác động đúng đắn tới khách thể quản lý trong các quá trình quản lý giáo dục.

4.12.4. Hình thức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa

các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.12.5. Danh mục tài liệu tham khảo

***Giáo trình chính**

1. Vũ Dũng, *Tâm lý học quản lý*, Nxb ĐHSP Hà Nội 2007

*** Tài liệu tham khảo**

2. Lê Văn Hào, *Hành vi tổ chức trong một thế giới đang thay đổi*, Nxb Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2012.

3. Lưu Xuân Mới, *Thuật ứng xử tình huống trong quản lý giáo dục và đào tạo*, Nxb giáo dục, 2008.

4.12.6 .Hình thức thi hết học phần

Hình thức thi : Thi Viết

4.13. Học phần: Lý luận dạy học hiện đại/Modern teaching theories. 2TC (18; 24; 0)

4.13.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề chung về lý luận dạy học, các lý thuyết về dạy học hiện đại, lý luận về chương trình đào tạo và hệ thống các phương pháp dạy học hiện đại. Đây là học phần giữ vị trí rất quan trọng trong chương trình đào tạo nhằm hoàn thiện năng lực giảng dạy và nghiên cứu cho học viên cao học Quản lý giáo dục.

4.13.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Sau khi học xong học phần này học viên có kiến thức về những vấn đề cơ bản về lý luận dạy học, các lý thuyết về dạy học hiện đại, lý luận về chương trình đào tạo và hệ thống các phương pháp dạy học hiện đại; Trình bày được các quan điểm, nguyên tắc, phương pháp, biện pháp, kỹ thuật và phương tiện dạy học trong thực tiễn giảng dạy.

4.13.3. Năng lực cần đạt được

Hình thành và phát triển cho học viên kỹ năng thực hành dạy học, có khả năng nghiên cứu trong việc tiếp cận những xu thế, vấn đề lý luận và thực tiễn mới trong dạy học và giáo dục ở các cơ sở giáo dục.

4.13.4. Hình thức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính

tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.13.5. Danh mục tài liệu tham khảo

***Giáo trình chính**

1. Bernd Meier – Nguyễn Văn Cường, Lý luận dạy học hiện đại – cơ sở đổi mới, nội dung và phương pháp dạy học, NXB ĐHSP, 2015

***Tài liệu tham khảo**

2. Nguyễn Hữu Châu, *Những vấn đề cơ bản về chương trình và quá trình dạy học*. Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2005.

3. Đặng Thành Hưng, *Dạy học hiện đại - Lý luận, biện pháp, kỹ thuật*, Nxb Đại học quốc gia. Hà Nội, 2002.

4.13.6. Hình thức thi hết học phần

Hình thức thi : Thi Viết

4.14. Học phần: Lãnh đạo và quản lý nhà trường/Leadership and Management in schools. 2TC (18; 24; 0)

4.14.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần nghiên cứu những vấn đề về quản lý nhà trường, lãnh đạo nhà trường, chức năng và vai trò của quản lý, hoạt động lãnh đạo và nhà lãnh đạo, các công tác làm việc của hiệu trưởng, công tác quản lý và lãnh đạo của hiệu trưởng nhà trường, các nguyên tắc làm việc của hiệu trưởng, công tác quản lý và lãnh đạo của hiệu trưởng nhà trường, đồng thời người học nắm được cách đánh giá nhà trường hiệu quả.

4.14.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Kết thúc học phần, học viên phân tích được những vấn đề về quản lý nhà trường, lãnh đạo nhà trường, chức năng và vai trò của quản lý, hoạt động lãnh đạo và nhà lãnh đạo, các công tác làm việc của hiệu trưởng, công tác quản lý và lãnh đạo của hiệu trưởng nhà trường, các nguyên tắc làm việc của hiệu trưởng, công tác quản lý và lãnh đạo của hiệu trưởng nhà trường, đồng thời người học nắm được cách đánh giá nhà trường hiệu quả

4.14.3. Năng lực cần đạt được

Hình thành năng lực tư duy và năng lực vận dụng vào thực tế ở địa phương và nhà trường nơi quản lý.

4.14.4. Hình thức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương

pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.14.5. Danh mục tài liệu tham khảo

*** Giáo trình chính**

1. Trần Kiểm, *Quản lý và lãnh đạo nhà trường hiệu quả*, NXB ĐHSP, 2012.

*** Tài liệu tham khảo**

2. Trần Kiểm, *Khoa học quản lý giáo dục - một số vấn đề lý luận thực tiễn*, Nxb Giáo dục Hà Nội, 2004.

3. Bùi Minh Hiền - Nguyễn Vũ Bích Hiền (Chủ biên), *Quản lý và lãnh đạo nhà trường*, NXB đại học sư phạm, HN 2018

4.14.6. Hình thức thi hết học phần

Hình thức thi: Thi Viết

4.15. Học phần: Chính sách và kế hoạch phát triển giáo dục/Policy and Development plan of Education. 3TC (24; 36; 0)

4.15.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần đề cập đến các nội dung cơ bản sau đây: Những cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn của chính sách trong quản lý giáo dục. Những quan điểm - mục tiêu - nội dung - giải pháp của chính giáo dục của Đảng, Nhà nước. Cơ sở lý luận và các phương pháp xây dựng kế hoạch trong giáo dục...

4.15.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Học viên trình bày được những cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn của chính sách trong quản lý giáo dục. Những quan điểm - mục tiêu - nội dung - giải pháp của chính giáo dục của Đảng, Nhà nước. Cơ sở lý luận và các phương pháp xây dựng kế hoạch trong giáo dục...

4.15.3. Năng lực cần đạt được

Có khả năng xây dựng chính sách, kế hoạch phát triển ở một đơn vị nhà trường.

4.15.4. Hình thức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 24 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 36 tiết

+ Tự học: 180 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.15.5. Danh mục tài liệu tham khảo

***Giáo trình chính**

1. Nguyễn Lộc (2010) *Cơ sở lý luận xây dựng chiến lược trong giáo dục*. Nxb GD, Hà Nội

***Tài liệu tham khảo**

2. Trần Khánh Đức (2010) *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ XXI*, NXB Giáo dục Việt Nam.

4.15.6. Hình thức thi hết học phần

Hình thức thi: Thi Viết

4.16. Học phần: Quản lý nguồn lực trong giáo dục/ Resource Management in Education. 2TC (18; 24; 0)

4.16.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần đề cập đến các nội dung cơ bản sau đây: Những vấn đề chung về nguồn lực và quản lý nguồn lực trong giáo dục; Quản lý nguồn nhân lực trong giáo dục; Quản lý CSVC, tài chính trong giáo dục

4.16.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Sau khi học xong học phần, học viên phân tích được được những vấn đề lý luận về nguồn lực và quản lý các nguồn lực cơ bản trong giáo dục: nhân lực, vật lực và tài lực.

4.16.3. Năng lực cần đạt được

Hình thành được kỹ năng quản lý nguồn nhân lực, vật lực và tài lực trong giáo dục, có khả năng đầu tư, phát triển giáo dục cơ sở mình phụ trách.

4.16.4. Hình thức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.16.5. Danh mục tài liệu tham khảo

***Giáo trình chính**

1. Trần Khánh Đức, *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ XXI*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội 2014

3. Trần Kim Dung, *Quản trị nguồn nhân lực*, Nxb Thông Kê, 2018

***Tài liệu tham khảo**

3. Trần Quốc Thành, *Quản lý nhân sự trong giáo dục*, Nxb Giáo dục, HN 2015

4.16. Hình thức thi hết học phần

Hình thức thi: Thi Viết

4.17. Học phần: Quản lý chất lượng và đánh giá trong giáo dục/Quality Management and Evaluation in Education. 2TC (18; 24; 0)

4.17.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần đề cập đến các nội dung cơ bản sau đây: các vấn đề cơ bản của chất lượng giáo dục; quản lý chất lượng giáo dục đào tạo; quy trình và mô hình quản lý chất lượng. Đồng thời giới thiệu với người học phạm vi đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục, các quan điểm tiếp cận đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục trên thế giới, các phương thức đánh giá chất lượng giáo dục đào tạo.

4.17.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Học viên phân tích được những vấn đề cơ bản về các khái niệm chất lượng và nhận diện được cơ sở đào tạo có chất lượng. Mô tả được quy trình quản lý chất lượng và so sánh với thực tiễn quản lý ở một số cơ sở giáo dục đào tạo để chỉ ra cái chưa phù hợp so với quan điểm quản lý chất lượng. Phân tích được cơ sở lý thuyết về kiểm định và đánh giá chất lượng quá trình đào tạo.

4.17.3. Năng lực cần đạt được

kỹ năng về kỹ thuật về quản lý và đánh giá chất lượng giáo dục đào tạo.

4.17.4. Hình thức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học
- + Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 18 tiết
- + Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết
- + Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.17.5. Danh mục tài liệu tham khảo

***Giáo trình chính**

1. Nguyễn Đức Chính (Chủ biên) (2002), *Kiểm định chất lượng giáo dục đại học*, Nxb ĐHQG HN.

2. Nguyễn Công Khanh (2016); *Giáo trình kiểm tra, đánh giá trong giáo dục*, NXB ĐHSP.

*** Tài liệu tham khảo**

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Thông tư 12/2017/TT – BGDĐT* quy định về KĐCL cơ sở GDDH.

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Thông tư 04/2016/TT – BGDĐT* về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục ĐH.

4.17.6. Hình thức thi hết học phần

Hình thức thi: Thi Viết

4.18. Học phần: Tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục/ Modern approaches to educational management. 2TC (18; 24; 0)

4.18.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần này bao gồm những nội dung cơ bản như: Các tiếp cận hệ thống, tiếp cận phức hợp, tiếp cận theo lý thuyết hành vi, tiếp cận văn hóa quản lý, tiếp cận quản lý chất lượng tổng thể, tiếp cận quản lý dựa vào nhà trường vv...

4.18.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Học viên đánh giá được các cách giải quyết trên bình diện tổng thể các vấn đề về giáo dục và quản lý giáo dục. Đó là các tiếp cận hệ thống, tiếp cận phức hợp, tiếp cận theo lý thuyết hành vi, tiếp cận văn hóa quản lý, tiếp cận quản lý chất lượng tổng thể, tiếp cận quản lý dựa vào nhà trường vv...Phân tích, đánh giá được các xu hướng hiện đại mang tầm thế giới quan và phương pháp luận trong quản lý giáo dục

4.18.3. Năng lực cần đạt được

Hình thành ở người học năng lực phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn quản lý giáo dục và trong nghiên cứu lý luận giáo dục. Có khả năng áp dụng các mô hình tiếp cận khác nhau vào công tác quản lý giáo dục tại đơn vị.

4.18.4. Hình thức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học
- + Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 18 tiết
- + Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết
- + Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.18.5. Danh mục tài liệu tham khảo

***Giáo trình chính**

1. Trần Kiểm (2016), *Tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội

***Tài liệu tham khảo**

2. Trần Kiểm (2015), *Quản lý và lãnh đạo nhà trường hiệu quả*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội

3. Trần Kiểm (2004), *Khoa học quản lý giáo dục-một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Giáo dục Hà Nội

4.18.6. Hình thức thi hết học phần

Hình thức thi: Thi Viết

4.19. Học phần: Kỹ năng quản lý giáo dục/ Skill of education managment. 2TC (18; 24; 0)

4.19.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần đề cập đến nội dung cơ bản sau đây: Khái niệm khoa học về chính sách, nắm được các kỹ năng cần thiết khi phân tích một chính sách trước khi đem chính sách vào áp dụng và các kỹ năng có thể phân tích bản chất, chức năng, quan hệ pháp lý trong việc thực thi các chính sách; các kiến thức và kỹ năng cơ bản về xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các chương trình giáo dục trong các cơ sở giáo dục; những kiến thức cơ bản về công tác học sinh, sinh viên và kỹ năng quản lý học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục.

4.19.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Học viên phân tích, đánh giá được các chính sách; Các kiến thức về xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các chương trình giáo dục trong các cơ sở giáo dục và những kiến thức cơ bản về công tác học sinh, sinh viên các cơ sở giáo dục.

4.19.3. Năng lực cần đạt được

Hình thành ở học viên năng lực phân tích chính sách và thực hiện chính sách; kỹ năng quản lý hoạt động dạy học; giáo dục và quản lý học sinh, sinh viên.

4.19.4. Hình thức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học
- + Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 18 tiết
- + Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết
- + Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.19.5. Danh mục tài liệu tham khảo

***Giáo trình chính**

1. Trần Kiểm, *Những vấn đề cơ bản của khoa học quản lý giáo dục*, Nxb ĐHSP, HN 2015

***Tài liệu tham khảo**

2. Ngô Trần Ái, *99 tình huống sư phạm và những giải pháp ứng xử*, NXB Giáo dục, 2010

3. Trần Kiêm, *Khoa học quản lý giáo dục - một số vấn đề lý luận thực tiễn*, Nxb Giáo dục Hà Nội, 2004

4.19.6. Hình thức thi hết học phần

Hình thức thi: Thi Viết

4.20. Học phần: Tiếp cận tình huống trong quản lý giáo dục/ Situation approach in education management. 2TC (18; 24; 0)

4.20.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về tình huống trong quản lý giáo dục, phương pháp ứng xử, quy trình giải quyết tình huống và một số kỹ năng cơ bản để giải quyết tình huống trong quản lý và quản lý giáo dục.

4.20.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Học viên phân tích được những kiến thức cơ bản về tình huống và cách ứng xử tình huống trong quản lý và quản lý giáo dục. Mô tả được các phương pháp, quy trình tiến hành ứng xử tình huống

4.20.3. Năng lực cần đạt được

Hình thành cho học viên khả năng vận dụng các phương pháp ứng xử tình huống, đặc biệt các bí quyết thành công, quy trình tiến hành ứng xử tình huống vào việc ứng xử tình huống trong quản lý và quản lý giáo dục có hiệu quả.

4.20.4. Hình thức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học
- + Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 18 tiết
- + Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết
- + Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.20.5. Danh mục tài liệu tham khảo

*** Giáo trình chính**

1. Lưu Xuân Mới, *Thuật ứng xử tình huống trong quản lý giáo dục và đào tạo*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2008.

***Tài liệu tham khảo**

2. John C.Maxwell, *21 nguyên tắc vàng của nghệ thuật lãnh đạo*, Nxb Lao động,

3. Dale Carnegie, *Đắc nhân tâm*, Nxb Nguyễn Hiến Lê, Sài Gòn, 1968.

4.20.6. Hình thức thi hết học phần

Hình thức thi: Thi Viết

4.21. Học phần: Quản lý sự thay đổi trong giáo dục/Change Management in Education. 2TC (18; 24; 0)

4.21.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần đề cập đến các nội dung cơ bản sau đây: Một số khái niệm cơ bản về sự thay đổi và quản lý sự thay đổi trong giáo dục; Những kỹ năng quản lý sự thay đổi cần có của nhà quản lý; những nguyên tắc và quy trình quản lý sự thay đổi trong giáo dục/ nhà trường. v.v...

4.21.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Sau khi học xong học viên phân tích được tính cần thiết của sự thay đổi và lãnh đạo, quản lý sự thay đổi giáo dục. Đồng thời tiếp được cận xu thế thay đổi giáo dục để phát triển nhà trường trong bối cảnh toàn cầu hoá.

4.21.3. Năng lực cần đạt được

Phát triển được kỹ năng nhận biết, phát hiện vấn đề, xác định và lựa chọn công việc và quy trình để lãnh đạo, quản lý sự thay đổi nhà trường trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập

4.21.4. Hình thức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học
- + Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 18 tiết
- + Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết
- + Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.21.5. Danh mục tài liệu tham khảo

*** Giáo trình chính**

1. J. Kotter (2006), *Dẫn dắt sự thay đổi*, Nxb Tổng hợp TP.HCM.

*** Tài liệu tham khảo**

2. J. Kotter (2006), *Dẫn dắt sự thay đổi*, Nxb Tổng hợp TP.HCM.

3. Trường Đại học Kinh doanh Harvard(2015), *Quản lý sự thay đổi và chuyển tiếp* (bộ sách “ Cẩm nang kinh doanh Harvard”), Nxb Tổng hợp TP.Hồ Chí Minh (Biên dịch: Trần Thị Bích Nga-Phạm Ngọc Sáu).

4.21.6. Hình thức thi hết học phần

Hình thức thi: Thi Viết

4.22. Học phần: Xây dựng, phát triển và quản lý chương trình/ The building, development and Program Management. 2TC (18; 24; 0)

4.22.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần nghiên cứu những vấn đề cơ bản xây dựng và phát triển chương trình đào tạo như: Lịch sử xây dựng chương trình, các cách tiếp cận về xây dựng và phát triển chương trình, các nguyên tắc, quy trình xây dựng và phát triển chương trình, cách thiết kế chương trình đào tạo. Đồng thời, còn giúp học viên biết quản lý chương trình đào tạo. Đây là học phần làm nền tảng cho học viên có thể nghiên cứu, thiết kế và quản lý chương trình

4.22.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Học viên phân tích được kỹ năng cơ bản, hiện đại về những nội dung cơ bản về lý luận cũng như thực tiễn của việc xây dựng, phát triển và quản lý chương trình giáo dục và đào tạo. Chương trình giúp cho học viên có cái nhìn tổng thể về quá trình đào tạo để từ đó vận dụng vào việc xây dựng, hoàn thiện và quản lý điều hành các chương trình đào tạo hiện hành theo định hướng và chuẩn nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu xã hội.

4.22.3. Năng lực cần đạt được

Hình thành năng xây dựng, phát triển chương trình và quản lý chương trình hiện hành theo định hướng và chuẩn nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu xã hội

4.22.4. Hình thức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học
- + Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 18 tiết
- + Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết
- + Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.22.5. Danh mục tài liệu tham khảo

***Giáo trình chính**

1. Nguyễn Vũ Bích Hiền (chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hằng, Phạm Ngọc Long (2015), Phát triển và quản lý chương trình giáo dục, Nxb Đại học sư phạm.

*** Tài liệu tham khảo**

2. Trần Khánh Đức (2009), *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ 21*, NXB giáo dục Việt Nam

4.22.6 Hình thức thi hết học phần

Hình thức thi: Thi Viết

4.23. Học phần: Ra quyết định và tổ chức thực hiện quyết định trong quản lý giáo dục / Decision-making and Implementing Decisions in Educational Management. 2TC (18; 24; 0)

4.23.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần nghiên cứu những vấn đề cơ bản như: Những vấn đề chung về quyết định, ra quyết định; vai trò của ra quyết định đối với công tác quản lý; quy trình ra quyết định, các mô hình và phong cách ra quyết định.

4.23.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Giúp cho học viên nắm được những kiến thức cơ bản về kỹ năng ra quyết định, ra quyết định trong quản lý giáo dục. Vai trò của ra quyết định đối với công tác quản lý; phân tích, đánh giá được quy trình ra quyết định, các mô hình và phong cách ra quyết định.

4.23.3. Năng lực cần đạt được

Hình thành kỹ năng ra quyết định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của người cán bộ quản lý; Biết vận dụng mô hình ra quyết định vào cải tiến việc thực hiện quyết định trong công tác quản lý giáo dục.

4.23.4. Hình thức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.23.5. Danh mục tài liệu tham khảo

***Tài liệu bắt buộc**

1. Bộ Giáo dục và đào tạo - Ngân hàng phát triển châu Á, *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về lãnh đạo và quản lý giáo dục trong thời kỳ đổi mới*, Nxb Văn hoá - Thông tin, 2013.

***Tài liệu tham khảo**

1. Harold Koontz, Cyril O'Donnell, Heinz Weihrich, *Những vấn đề cốt yếu của quản lý*, Nxb Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội, 2004.

4.23.6 Hình thức thi hết học phần

Hình thức thi: Thi Viết

4.24. Học phần: Quản trị hiệu quả trường học/Effective School Administration. 2TC (18; 24; 0)

4.24.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần nghiên cứu những vấn đề về quản lý con người như: Phong cách của người quản lý, động viên con người của nhà quản lý, quản lý cuộc họp, tuyển dụng, sử dụng, thẩm định, phát triển và sa thải cán bộ, quản lý xung đột, quản lý bản thân. Đồng thời học phần cũng cung cấp cho người học các vấn đề về quản lý tổ chức, quản lý sự thay đổi trong trường học.

4.24.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Học viên phân tích được những lý luận cơ bản về quản lý con người, quản lý tổ chức và những vấn đề khi có sự thay đổi trong nhà trường, giúp họ chịu trách nhiệm cấp cao trong quản lý nhà trường cũng như các cơ sở giáo dục.

4.24.3. Năng lực cần đạt được

Hình thành cho người học kỹ năng quản lý trường học cũng như các cơ sở giáo dục đạt hiệu quả.

4.24.4. Hình thức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học
- + Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 18 tiết
- + Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết
- + Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.24.5. Danh mục tài liệu tham khảo

***Giáo trình chính**

1. SREM, *Quản trị hiệu quả trường học*, 2010
2. Trần Kiểm, *lãnh đạo và quản lý nhà trường hiệu quả*, NXB ĐHSP, 2012

***Tài liệu tham khảo**

3. Phạm Minh Hạc, *Một số vấn đề giáo dục Việt Nam đầu thế kỷ XXI*, Nxb Giáo dục Việt Nam, 2010.
4. Bộ Giáo dục và đào tạo - Ngân hàng phát triển châu Á, *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về lãnh đạo và quản lý giáo dục trong thời kỳ đổi mới*, Nxb Văn hoá- Thông tin, 2013.

4.24.6 Hình thức thi hết học phần

Hình thức thi: Thi Viết

4.25. Học phần: Xây dựng văn hoá nhà trường/ Building of School Culture 2TC (18; 24; 0)

4.25.1. Tóm tắt nội dung học phần

Chuyên đề này gồm những tri thức cơ bản về văn hóa nhà trường, những giá trị cốt lõi và cách thức lãnh đạo để phát triển văn hóa nhà trường và tầm quan trọng của việc xây dựng văn hóa nhà trường, vai trò của người lãnh đạo, người quản lý trong việc xây dựng văn hóa nhà trường.

4.25.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Học viên phân tích được những khái niệm cơ bản về văn hóa nhà trường, xây dựng phát triển văn hóa nhà trường, các giá trị cốt lõi của văn hóa nhà trường, nhiệm vụ của nhà quản lý trong việc phát triển văn hóa nhà trường.

4.25.3. Năng lực cần đạt được

Hình thành cho học viên kỹ năng xác định giá trị cốt lõi và cách thức lãnh đạo để xây dựng và phát triển văn hóa nhà trường.

4.25.4. Hình thức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học
- + Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 18 tiết
- + Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết
- + Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.25.5. Danh mục tài liệu tham khảo

***Giáo trình chính**

1. Lê Thị Ngọc Thuý (2018), *Xây dựng văn hoá nhà trường phổ thông*, NXB ĐHQG.

*** Tài liệu tham khảo**

2. Nguyễn Mạnh Hùng (2016), *Quản lý giáo dục Việt Nam đổi mới và phát triển*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

4.25.6 Hình thức thi hết học phần

Hình thức thi: Thi Viết

4.26. Học phần: Thanh tra, giám sát trong cơ quan quản lý giáo dục và nhà trường/ Inspection and monitoring in Educational Management organizations and schools. 2TC (18; 24; 0)

4.26.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần đề cập đến các nội dung cơ bản sau đây: Những vấn đề lý luận cơ bản và thực tiễn của công tác thanh tra, giám sát trong quản lý cơ quan giáo dục và nhà trường. Trên cơ sở đó giúp học viên có kiến thức, kỹ năng trong công tác thanh tra, giám sát ở cơ sở giáo dục và nhà trường nhằm thực hiện tốt công việc quản lý của mình.

4.26.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Học viên phân tích, đánh giá được những vấn đề lý luận cơ bản về công tác thanh tra, giám sát trong cơ quan giáo dục và nhà trường

4.26.3. Năng lực cần đạt được

Học viên có khả năng vận dụng được những vấn đề lý luận đã được trang bị để tìm hiểu thực trạng công tác thanh tra, giám sát trong cơ quan giáo dục và nhà trường.

Hình thành kỹ năng tổ chức và thực hiện công tác thanh tra, giám sát trong cơ quan của mình. Có thái độ đúng đắn đối với công tác thanh tra, giám sát trong cơ quan giáo dục và nhà trường.

4.26.4. Hình thức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.26.5. Danh mục tài liệu tham khảo

*** Giáo trình chính**

1. Trần Khánh Đức (2009), *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ 21*, NXB giáo dục Việt Nam

*** Tài liệu tham khảo**

2. Nguyễn Xuân Thanh (2019), *Giáo trình Kiểm tra và thanh tra giáo dục*, NXB Đại học sư phạm

3. Ban thanh tra nhân dân, *Về tổ chức và hoạt động của Thanh tra giáo dục*, 85/2006/NĐ-CP, 99/2005/NĐ-CP

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Về thanh tra toàn diện nhà trường, thanh tra hoạt động sư phạm của giáo viên*, 43/2006/TT-BGD&ĐT.

4.26.6 Hình thức thi hết học phần

Hình thức thi: Thi Viết

4.27. Học phần: Thống kê trong giáo dục/ Educatio in statistics. 2TC (18; 24; 0)

4.27.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần này bao gồm những kiến thức cơ bản về ứng dụng thống kê trong giáo dục nói chung và trong quản lý giáo dục nói riêng; Các phương pháp chọn mẫu thống kê; Xử lý các số liệu thống kê; Áp dụng thống kê trong quản lý giáo dục

4.27.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Học viên phân tích được các lý thuyết thống kê, chọn mẫu, lập báo cáo, chẩn đoán, đánh giá chất lượng giáo dục thông qua các chỉ số thống kê. Phân tích các phương pháp và quy trình sử lý, áp dụng thống kê trong quản lý giáo dục

4.27.3. Năng lực cần đạt được

Hình thành kỹ năng chọn mẫu, lập báo cáo, chẩn đoán, đánh giá chất lượng giáo dục thông qua các chỉ số thống kê. Sử dụng thành thạo các phương pháp và quy trình sử lý, áp dụng thống kê trong quản lý giáo dục; Biết thiết kế các phiếu điều tra và sử dụng các phương pháp thu thập số liệu. Cài đặt và sử dụng được phần mềm SPSS trong việc thu thập, xử lý các số liệu điều tra xã hội phục vụ cho công tác chỉ đạo, dự báo và lập kế hoạch và làm luận văn tốt nghiệp.

4.27.4. Hình thức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.27.5. Danh mục tài liệu tham khảo

***Giáo trình chính**

1. Phạm Việt Vượng (2001), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb Đại học Quốc Gia Hà Nội.

***Tài liệu tham khảo**

2. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc, *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, Tập 1,2, Trường ĐH Kinh Tế TP Hồ Chí Minh, Nxb Hồng Đức, 2008.

4.27.6 Hình thức thi hết học phần

Hình thức thi: Thi Viết

4.28. Học phần: Giáo dục giá trị và giáo dục kỹ năng sống trong nhà trường/ Educating values and life skills in schools 2TC (18; 24; 0)

4.28.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản về giáo dục giá trị, giáo dục kỹ năng sống: khái niệm về giá trị và kỹ năng sống; các loại giá trị và kỹ năng sống; các phương pháp, con đường giáo dục giá trị và giáo dục kỹ năng sống. Từ đó giúp người học có được nền tảng lý luận để quản lý công tác giáo dục giá trị và kỹ năng sống trong nhà trường, góp phần giáo dục toàn diện cho học sinh, sinh viên.

4.28.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Học viên đánh giá được vai trò, tầm quan trọng của giáo dục giá trị và giáo dục kỹ năng sống trong nhà trường hiện nay; Xác định được các giá trị và kỹ năng sống cần giáo dục cho thế hệ trẻ trong nhà trường; các con đường, phương pháp giáo dục giá trị và giáo dục kỹ năng sống trong nhà trường.

4.28.3. Năng lực cần đạt được

Học viên có khả năng thiết kế nội dung, các con đường giáo dục kỹ năng sống và quản lý và thực hiện công tác giáo dục giá trị và kỹ năng sống trong nhà trường.

4.28.4. Hình thức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa

các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên

4.28.5. Danh mục tài liệu tham khảo

***Giáo trình chính**

1. Nguyễn Thanh Bình, *Giáo trình chuyên đề giáo dục kỹ năng sống*, Nxb Đại học sư phạm Hà nội, 2017.

***Tài liệu tham khảo**

2. Nguyễn Thanh Bình, *phát triển năng lực cốt lõi cho học sinh phổ thông theo tiếp cận kỹ năng sống*, Nxb Đại học sư phạm Hà nội, 2017.

3. Bộ Giáo dục và đào tạo, *Hiệu trưởng trường trung học với vấn đề giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống và giao tiếp ứng xử trong quản lý*, Nxb Đại học Sư phạm, 2012.

4.28.6 Hình thức thi hết học phần

Hình thức thi: Thi Viết

4.29. Luận văn tốt nghiệp (thesis of master): 15 TC (135,180,0)

- Luận văn 15 tín chỉ, thời gian thực hiện luận văn tốt nghiệp là 6 tháng, sau khi kết thúc các học phần chung, học phần của khối kiến thức cơ sở, học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc.

- Học viên đăng ký nguyện vọng lĩnh vực nghiên cứu của đề tài luận văn, khoa đào tạo phối hợp với phòng đào tạo tham mưu cho Hiệu trưởng ra quyết định phân công người hướng dẫn.

- Nội dung, yêu cầu, quy trình làm luận văn và bảo vệ luận văn thực hiện theo quy định tại Điều 25 và 26 của Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ, ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ tại trường Đại học Hồng Đức ban hành kèm theo quyết định số 692/QĐ-ĐHHD ngày 10 tháng 05 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức; Quy định về thủ tục đăng ký, làm luận văn và bảo vệ luận văn thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức ban hành kèm theo quyết định số 2147/QĐ-ĐHHD ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Hồng Đức.

Yêu cầu cụ thể về luận văn và bảo vệ luận văn tốt nghiệp:

- Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả lao động của chính tác giả, chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào.

- Nội dung luận văn phải thể hiện được các kiến thức về lý thuyết và thực hành trong lĩnh vực quản lý giáo dục. Các kết quả của luận văn phải chứng tỏ tác giả đã biết vận dụng phương pháp nghiên cứu và những kiến thức được trang bị trong quá trình học tập để xử lý đề tài.

5. Quy định về đánh giá học phần

Trích Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 692 ngày 10/5/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức:

6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu

- Phòng học có trang bị máy chiếu, loa đài, tăng âm, máy vi tính nối mạng, có bảng lớn đa năng và các thiết bị dạy học khác.

- Phòng bảo vệ luận văn, thông qua đề cương luận văn...có đầy đủ thiết bị (máy chiếu, micro, loa đài, wifi...), bàn, ghế đúng quy định.

- Thư viện điện tử đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo... theo yêu cầu của các môn học.

7. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản trị lý giáo dục xây dựng theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ được ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ tại trường Đại học Hồng Đức ban hành kèm theo quyết định số 692 /QĐ-ĐHHĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức; trên cơ sở tham khảo chương trình đào tạo của các trường trong và ngoài nước nhằm cập nhật thông tin tri thức mới đáp ứng nhu cầu của thực tế xã hội.

Chương trình đào tạo chuyên ngành là cơ sở giúp Hiệu trưởng quản lý chất lượng đào tạo, là quy định bắt buộc đối với tất cả các khoa chuyên môn nghiêm túc thực hiện theo đúng nội dung chương trình đã xây dựng.

Căn cứ chương trình đào tạo chuyên ngành, Trưởng các khoa, các bộ môn có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn các bộ môn tiến hành xây dựng đề cương chi tiết học phần và hồ sơ học phần theo quy định của Trường sao cho vừa đảm bảo được mục tiêu, nội dung, yêu cầu đề ra, vừa đảm bảo phù hợp với điều kiện cụ thể nhà trường, của địa phương, đáp ứng được nhu cầu của người học và của toàn xã hội.

Trưởng các khoa chuyên môn có trách nhiệm ký, duyệt đề cương chi tiết học phần, xây dựng kế hoạch dạy học, kinh phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế (nếu có); các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo và chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo, chuẩn đầu ra. Trưởng các phòng, Ban, Trung tâm chức năng liên quan có trách nhiệm đảm bảo về cơ sở vật chất, trang thiết bị và các điều kiện cần thiết phục vụ công tác đào tạo.

Trong quá trình thực hiện chương trình, hàng năm nếu Khoa, Bộ môn thấy cần phải điều chỉnh cho phù hợp với thực tế, làm văn bản trình lên Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường xem xét. Nếu thấy hợp lý, Hội đồng Khoa học và Đào tạo trình Hiệu trưởng quyết định điều chỉnh và chỉ được điều chỉnh khi có Quyết định của Hiệu trưởng./.

TRƯỞNG KHOA

Lê Thị Thu Hà



Hoàng Nam